BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNN-KL ngày / /2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: "Phân loại Doanh nghiệp nhập khẩu gỗ, xuất khẩu gỗ, chế biến gỗ xuất khẩu"

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC HIỆN TẠI

TT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1,1	Nghiên cứu tài liệu, Nghiên cứu Nghị định	Nghiên cứu Nghị định	32,0	30.535			1	500	977.120	488.560.000	
1,2	Chuẩn bị tài liện tự đánh giá phân loại doanh nghiệp	Doanh nghiệp Tự đánh giá phân loại trên phần mềm điện tử	32,0	30.535			1	500	977.120	488.560.000	
2	**Nộp hồ sơ**										
		Trực tiếp									
		Bưu điện									
		Internet	1,0	30.535			1	500	30.535	15.267.500	
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**	không					1		0	0	
3.1	Phí	không					1		0	0	
3.2	Lệ phí	không		30.535			1		0	0	

3.3	Chi phí khác	không		30.535			1		0	0	
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)	Xác minh tự đánh giá phân loại	24,0	25.331			1	500	607.944	303.972.000	
5	**Công việc khác** (nếu có)						1		0	0	
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp									
		Bưu điện									
	Thông báo bằng văn bản và công bố trên Website của Cục Kiểm lâm	Internet	2,0	30.535			1	500	61.070	30.535.000	
		Khác					1		0	0	
	TỔNG				**0**	**0**	**10**	**2.500**	**2.653.789**	**1.326.894.500**	

II. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	**Các công việc khi thực hiện TTHC**	**Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể**	**Thời gian thực hiện** (giờ)	**Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng)	**Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng)	**Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng)	**Số lần thực hiện/ 01 năm**	**Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm**	**Chi phí thực hiện TTHC** (đồng)	**Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng)	**Ghi chú**
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1,1	Nghiên cứu tài liệu, Nghiên cứu Nghị định	Nghiên cứu Nghị định	32,0	30.535			1	1.384	1.384	1.915.456	Nghiên cứu Nghị định
1,2	Chuẩn bị tài liện tự đánh giá phân loại doanh nghiệp	Doanh nghiệp Tự đánh giá phân loại trên phần mềm điện tử	32,0	30.535			1	1.384	977.120	1.352.334.080	Tự điền trên phần mềm

2	**Nộp hồ sơ**										
		Trực tiếp									
		Bưu điện									
		Internet	1,0	30.535			1	1.384	30.535	42.260.440	
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**	không					1		0	0	
3.1	Phí	không					1		0	0	
3.2	Lệ phí	không		30.535			1		0	0	
3.3	Chi phí khác	không		30.535			1		0	0	
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)	Xác minh tự đánh giá phân loại	24,0	25.331			1	1.384	607.944	841.394.496	
5	**Công việc khác** (nếu có)						1		0	0	
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp									
		Bưu điện									
	Thông báo bằng văn bản và công bố trên Website của Cục Kiểm lâm	Internet	2,0	30.535			1	1.384	61.070	84.520.880	
		Khác					1		0	0	
	TỔNG				**0**	**0**	**12**	**6.920**	**1.678.053**	**2.322.425.352**	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung

2.500.000.000 ┐ 2.322.425.352

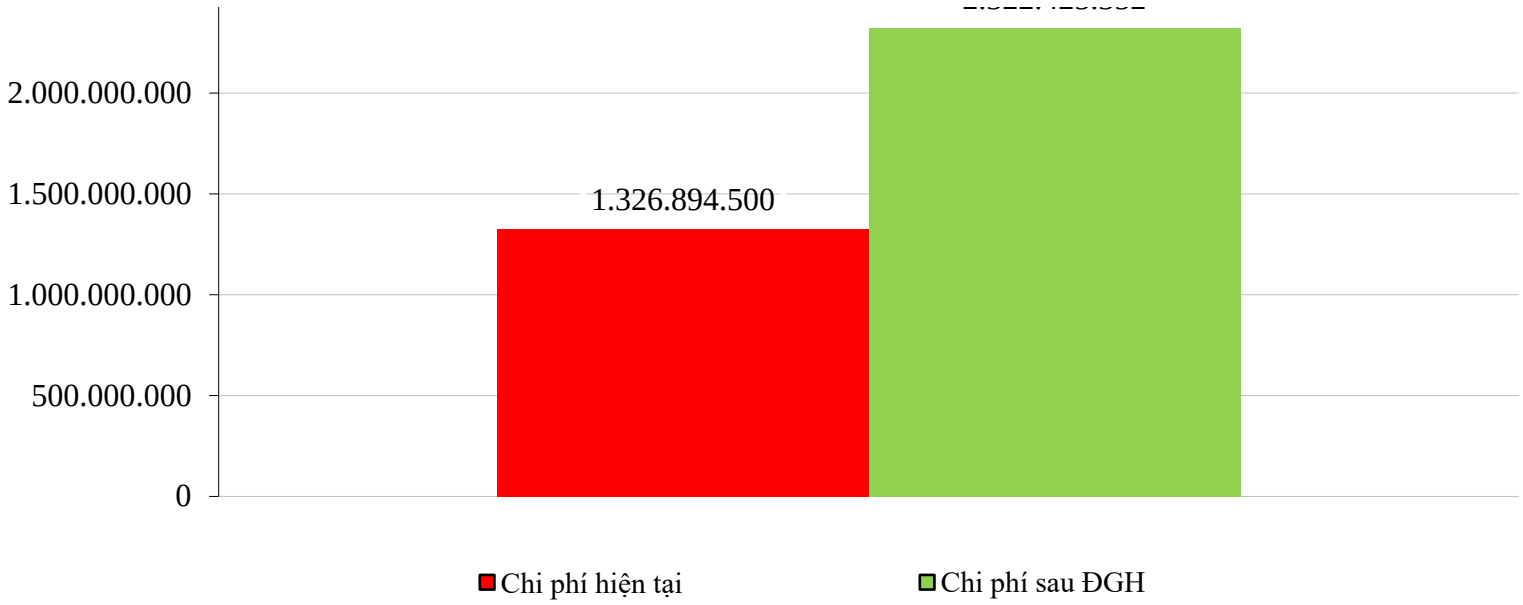

Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung

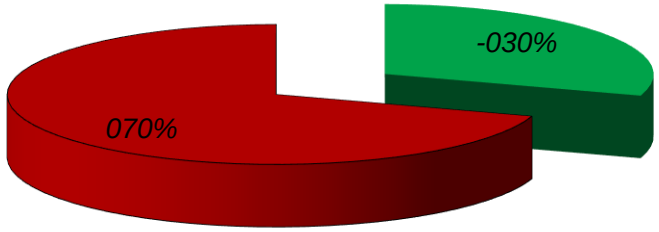

26.894.500
22.425.352
95.530.852 #####

#####

*** Ghi chú: Số liệu trong Bảng tính chỉ mang tính chất minh họa.**